

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
MÃ SỐ: 7229009

*(Ban hành theo Quyết định số : 4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo.

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: Religious Studies

- Mã số ngành đào tạo: 7229009

- Trình độ đào tạo: Cử nhân.

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân Tôn giáo học

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Religious Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Tôn giáo học cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản ở trình độ đại học; các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ về lĩnh vực tôn giáo học, nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về tôn giáo; tham mưu và giúp lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý tôn giáo. Bên cạnh đó, người học, sau khi tốt nghiệp cũng có thể tham gia nghiên cứu và giảng dạy tại các trường có đào tạo về lĩnh vực tôn giáo học và đủ điều kiện để học lên các bậc cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tôn giáo, tín ngưỡng và những kiến thức cơ bản của các khoa học liên ngành gắn với tôn giáo học, bảo đảm tính khoa học, hiện đại, tính tư tưởng, đạt trình độ hiểu biết căn bản về các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử và ở thời hiện đại.

- Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu cơ bản, khoa học hiện đại; chú trọng gắn lý luận với thực tiễn, áp dụng những kiến thức lý

luận vào thực tiễn; giúp nâng cao trình độ tư duy; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

- Về thái độ: Có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng. Có chính kiến và có khả năng thuyết phục mọi người. Nghiêm túc học tập, nghiên cứu và làm việc; có lối sống giản dị, lành mạnh. Giúp đỡ, đoàn kết, thân ái với mọi người.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng được kiến thức về khoa học Lý luận chính trị trong các hoạt động nghiệp vụ và nghiên cứu;

- Sử dụng được Ngoại ngữ ở trình độ B1 tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (gồm ngữ pháp và 4 kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết).

1.2 Kiến thức theo lĩnh vực:

- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thực hành văn bản, tra cứu, quản lý thông tin trong học tập và nghiên cứu;

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học Xã hội và Nhân văn vào trong học tập và nghiên cứu;

- Ứng dụng được kiến thức khoa học tự nhiên để phân tích, đánh giá các tư liệu khoa học xã hội, thích ứng với thời đại công nghiệp 4.0.

1.3 Kiến thức theo khối ngành:

- Có kiến thức cơ bản về các vấn đề xã hội như chính trị, báo chí, công tác xã hội, đạo đức, nhân học, quan hệ đối ngoại Việt Nam,... để đi vào nghiên cứu chuyên sâu về tôn giáo học và các vấn đề liên quan;

- Vận dụng các kiến thức cơ bản của ngành Tôn giáo học như lễ hội tôn giáo, công tác xã hội của tôn giáo, các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa Việt Nam để nhận biết, đánh giá các hiện tượng thực tiễn liên quan đến tôn giáo học;

- Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp vào quá trình học tập và công tác;

- Vận dụng các kiến thức về các vấn đề xã hội như chính trị, báo chí, công tác xã hội, đạo đức, nhân học, quan hệ đối ngoại Việt Nam.... Để nghiên cứu chuyên sâu về tôn giáo học và các vấn đề liên quan;

- Vận dụng các kiến thức cơ bản của Tôn giáo học như lễ hội tôn giáo, công tác xã hội của tôn giáo, các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa Việt Nam để đánh giá các hiện tượng thực tiễn liên quan đến tôn giáo học.

1.4 Kiến thức chung của nhóm ngành:

- Có kiến thức lý luận cơ bản về các tôn giáo trên thế giới: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo... và các vấn đề liên quan để nhận diện các tôn giáo đó trên thế giới và ở Việt Nam;

- Phân tích, đánh giá được mối quan hệ của tôn giáo với các vấn đề của xã hội đương đại, và các vấn đề có liên quan đến tôn giáo như: văn học, dân tộc, Hán Nôm, chính trị thế giới.....

1.5 Kiến thức ngành

- Phân tích, vận dụng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam nói chung, pháp luật của nhà nước nói riêng về Tôn giáo. Nắm vững chính sách và công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo;

- Đánh giá được về những góc nhìn tôn giáo khác nhau: xã hội học tôn giáo, nhân học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo... và phân tích, đánh giá được những giá trị cơ bản của các tôn giáo (chủ yếu trên phương diện đạo đức);

- Phân tích, vận dụng được các kiến thức thuộc các lĩnh vực chuyên sâu của tôn giáo như: triết học tôn giáo, tôn giáo học so sánh, văn hóa tôn giáo, du lịch tâm linh, báo chí truyền thông tôn giáo, quản lý di sản tín ngưỡng, tôn giáo, luật tín ngưỡng, tôn giáo...;

- Có khả năng vận dụng những tri thức cơ bản vào giải quyết các công việc nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến Tôn giáo và đời sống xã hội. Góp phần giúp các cấp chính quyền làm công tác quản lý tôn giáo, tuyên huấn, tuyên giáo, hoạch định, thực hiện chủ trương, chính sách, đề xuất những giải pháp đối với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác, trước hết là liên quan đến tôn giáo và văn hóa tư tưởng;

- Đánh giá được về những góc nhìn tôn giáo khác nhau: xã hội học tôn giáo, nhân học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo... và những giá trị cơ bản của các tôn giáo;

- Vận dụng được các kiến thức thuộc các lĩnh vực chuyên sâu của tôn giáo như: triết học tôn giáo, tôn giáo học so sánh, văn hóa tôn giáo, du lịch tâm linh, báo chí truyền thông tôn giáo, quản lý di sản tín ngưỡng, tôn giáo, luật tín ngưỡng, tôn giáo... trong giải quyết công việc, học tập và nghiên cứu liên quan đến tôn giáo và đời sống xã hội;

- Đề xuất những giải pháp để quản lý tôn giáo, tuyên huấn, tuyên giáo, hoạch định, thực hiện chủ trương, chính sách, đối với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác, trước hết là liên quan đến tôn giáo và văn hóa tư tưởng.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1 Kỹ năng chuyên môn:

2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp:

- Có kỹ năng giảng dạy, thuyết trình các vấn đề tôn giáo và liên quan đến tôn giáo;
- Xác định được nội dung, cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu cần vận dụng;

- Biết xây dựng đề cương chi tiết để hiện thực hóa kế hoạch nghiên cứu;

- Biết phân tích dữ liệu và kiểm tra các giả thuyết, trả lời các câu hỏi nghiên cứu, từ đó có thể lập luận và giải thích hợp lý các vấn đề mới nảy sinh trong nghiên cứu;

- Từ những kết quả nghiên cứu lý thuyết, so sánh giữa lý luận và thực tiễn cụ thể nêu các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề:

- Phát hiện và hình thành vấn đề về tôn giáo;
- Phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề về tôn giáo, quản lý tôn giáo, nghiệp vụ công tác tôn giáo;
- Đưa ra giải pháp và kiến nghị với các cấp chính quyền, cơ quan về vấn đề tôn giáo và quản lý tôn giáo.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức:

- Có khả năng tìm kiếm và cập nhật kiến thức về tình hình đời sống tôn giáo hiện nay, các vấn đề về quản lý và nghiệp vụ tôn giáo;
- Có khả năng tổng hợp tài liệu về vấn đề nghiên cứu tôn giáo, nghiệp vụ tôn giáo, quản lý tôn giáo;
- Có khả năng nghiên cứu về tôn giáo, nghiệp vụ tôn giáo và quản lý tôn giáo;
- Có khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu và thực tiễn vào công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống:

- Biết tư duy theo hệ thống/logic về các vấn đề của công tác tôn giáo, quản lý tôn giáo;
- Biết phát hiện vấn đề và mối quan hệ giữa các vấn đề trong công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo;
- Biết xác định vấn đề ưu tiên trong công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo;
- Biết phân tích, lựa chọn vấn đề và tìm ra phương án giải quyết cân bằng giữa các vấn đề trong công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo;
- Có khả năng tư duy đa chiều khi giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Đánh giá bối cảnh xã hội và ngoại cảnh liên quan đến chuyên ngành, xác định được vai trò của các cử nhân Tôn giáo học;
- Lập kế hoạch và tìm phương án thích ứng với những biến đổi và đòi hỏi của công việc, tận dụng được kiến thức, kỹ năng của cá nhân để phát triển;
- Tận dụng được tiến bộ trong sự phát triển của nghề nghiệp trên thế giới.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Nhận thức về bối cảnh của tổ chức và thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau (chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu, các cơ quan nhà nước...);
- Kết nối bằng truyền thông trong nội bộ tổ chức, góp phần hình thành văn hóa tổ chức, làm việc thành công trong tổ chức.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn:

- Biết hình thành ý tưởng về công việc của công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo;

- Biết vận dụng linh hoạt và sáng tạo kiến thức vào thực tiễn công tác tôn giáo và quản lý tôn giáo;

- Có khả năng sử dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp;
- Làm chủ được các trang thiết bị phục vụ công việc.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp:

- Có khả năng dự đoán xu hướng phát triển của tôn giáo trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa;

- Biết thiết lập mục tiêu cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, nghiệp vụ và quản lý tôn giáo phù hợp với xu thế phát triển;

- Biết xây dựng kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đề ra trong công tác;
- Biết tổ chức thực hiện các kế hoạch.

2.2. Kỹ năng bổ trợ:

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý;
- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc;
- Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời;
- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

2.2.2 Làm việc theo nhóm:

- Biết hình thành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ;
- Biết điều hành hoạt động của nhóm nhằm đạt mục tiêu;
- Biết phát triển nhóm làm việc;
- Biết lãnh đạo nhóm;
- Biết làm việc với các nhóm khác nhau.

2.2.3. Quản lý và lãnh đạo:

- Trung thực, tin cậy và trách nhiệm khi thực hiện các công việc đảm nhiệm;
- Có hành vi chuyên nghiệp trong công tác tôn giáo;
- Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc;
- Biết chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ cả nghiên cứu và giảng dạy;
- Có khả năng đàm phán, thuyết phục đối với tập thể và cá nhân.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp:

- Biết xây dựng chiến lược giao tiếp về tôn giáo;
- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng trong các tình huống giao tiếp cụ thể;
- Biết thực hiện giao tiếp thành thạo bằng văn bản;
- Biết thực hiện thành thạo các giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông;
- Có kỹ năng thuyết trình về các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ:

- Biết cách sử dụng và khai thác các tài liệu tiếng nước ngoài liên quan đến vấn đề tôn giáo trong nghiên cứu và giảng dạy;

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2.6 Các kỹ năng bổ trợ khác

- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (WORD, EXCEL, POWER POINT, SPSS...) và các phần mềm chuyên dụng như Photoshop, Audobe Audition, Audobe Premiers, Cool Edit,...

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:

- Nghiêm túc, thật thà;
- Chăm chỉ, nhiệt tình;
- Tự chủ, kiên trì;
- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro;
- Có lối sống lành mạnh;
- Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, mong muốn vươn lên trong cuộc sống.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp:

- Có trách nhiệm trong công việc;
- Có hành vi chuyên nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ;
- Có tính chủ động trong công việc;
- Độc lập và sáng tạo.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội:

- Có trách nhiệm với cộng đồng;
- Biết tuân thủ pháp luật;
- Biết bảo vệ chân lí, ủng hộ đổi mới tiên bộ.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

- Có thể làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến vấn đề tôn giáo;

- Hướng dẫn, phối hợp với những người khác nghiên cứu về vấn đề tôn giáo;
- Có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức, tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp;
- Chủ động đề xuất ý kiến, giải pháp chính sách thúc đẩy nghiên cứu, quản lý tôn giáo.

5. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Tôn giáo học trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về tôn giáo, làm công tác quản lý tôn giáo, làm việc trong các cơ quan hành chính của Nhà nước như Ban dân vận, Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc ... và các trường của các đoàn thể chính trị xã hội khác;

- Công tác trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội;

- Giảng viên tại các cơ sở đào tạo về tôn giáo bậc trung cấp, cao đẳng và một số trường đại học;

- Nghiên cứu viên về tôn giáo tại các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu khoa học; các cơ quan lý luận chính trị như: Trường Chính trị các tỉnh, Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học An ninh Nhân dân;

- Có cơ hội học lên ở các bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) và trở thành các nhà khoa học, làm việc tại các trung tâm/ viện/ cơ sở nghiên cứu về tôn giáo như: Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Văn hóa, Trung tâm Văn hóa và Tín ngưỡng - Học viện CT - HC Quốc gia HCM, ...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân ngành Tôn giáo học, người học có thể tham gia học tập, nâng cao mức độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 140 tín chỉ, trong đó:

- * Khối kiến thức chung : **16 tín chỉ**
(*Không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh*)
- * Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: **29 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc* 23 tín chỉ
 - + *Tự chọn* 06/18 tín chỉ
- * Kiến thức theo khối ngành: **27 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc* 18 tín chỉ
 - + *Tự chọn* 09/39 tín chỉ
- * Khối kiến thức theo nhóm ngành: **15 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc* 9 tín chỉ
 - + *Tự chọn* 6/24 tín chỉ
- * Khối kiến thức ngành: **53 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc* 25 tín chỉ
 - + *Tự chọn* 15/45 tín chỉ
 - + *Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp* 13 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung <i>(không bao gồm học phần 7 và 8)</i>	16				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6		Ngoại ngữ B1	5	20	35	20	
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	FLF1407	Tiếng Trung B1	5	20	35	20	
7		Giáo dục thể chất	4				
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	29				
II.1		Các học phần bắt buộc <i>(không bao gồm học phần 17)</i>	23				
9	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
10	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
11	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
12	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
13	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	30	15		
15	PHI1054	Lôgic học đại cương	3	33	12		
16	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17		Kỹ năng bổ trợ	3				
II.2		Các học phần tự chọn	6/18				
18	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III		Khối kiến thức theo khối ngành	27				
III.1		Các học phần bắt buộc	18				
27		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
	FLH1155	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
	FLH1156	Tiếng Trung Khoa học Xã hội và Nhân văn 1	4	16	40	4	
28		Ngoại ngữ Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	
	FLH1157	Tiếng Anh Khoa học Xã hội và Nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1155
	FLH1158	Tiếng Trung cho khoa học xã hội và nhân văn 2	5	20	35	20	FLH1156
29	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
30	REL1100	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
31	REL1101	Lễ hội trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
III.2		Các học phần tự chọn	9/39				
32	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
33	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	39	6		
34	PHI1052	Đạo đức học đại cương	3	36	9		
35	ITS1102	Lịch sử Quan hệ quốc tế	3	30	15		
36	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
37	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	30	15		
38	ITS1103	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	3	30	15		
39	PSY2023	Tâm lý học xã hội	3	30	15		PSY1051
40	POL1052	Chính trị học đại cương	3	36	9		
41	REL1102	Nhập môn phương pháp nghiên cứu tôn giáo học	3	39	6		
42	REL1103	Công tác xã hội của tôn giáo	3	39	6		
43	REL1104	Tôn giáo nội sinh Việt Nam	3	39	6		
44	REL1105	Tín ngưỡng Việt Nam	3	39	6		
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	15				
IV.1		Các học phần bắt buộc	9				
45	REL1150	Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền ở Việt Nam	3	39	6		
46	REL1151	Công giáo và Chính thống giáo ở Việt Nam	3	39	6		
47	REL1152	Đạo Tin lành và Mặc môn ở Việt Nam	3	39	6		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.2		Các học phần tự chọn (chọn một trong hai định hướng sau):	6				
		<i>Định hướng kiến thức chuyên sâu của ngành</i>	<i>6/15</i>				
48	REL1153	Ngôn ngữ trong kinh điển tôn giáo(*)	3	39	6		
49	REL1154	Hội giáo và Bahai ở Việt Nam	3	39	6		
50	REL1155	Tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa và những vấn đề xã hội hiện nay	3	39	6		
51	REL1156	Tôn giáo và môi trường	3	39	6		
52	REL1157	Tôn giáo và khoa học	3	39	6		
		<i>Định hướng kiến thức liên ngành</i>	<i>6/9</i>				
53	JOU1151	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	3	33	12		JOU1051
54	ANT1101	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	3	36	9		ANT1100
55	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3	30	15		
V		Khởi kiến thức ngành	40				
V.1		Các học phần bắt buộc	25				
56	REL3000	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	4	52	8		
57	REL3001	Hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam	3	39	6		
58	REL3002	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3	39	6		
59	REL3003	Biểu tượng học tôn giáo	3	39	6		
60	REL3004	Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam về tôn giáo	3	39	6		
61	REL3005	Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp	3	39	6		
62	REL3006	Công tác từ thiện xã hội của tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
63	REL3007	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3	39	6		
V.2		Các học phần tự chọn	15/45				
64	REL3008	Nghệ thuật học tôn giáo	3	39	6		
65	REL3009	Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo	3	39	6		
66	REL3010	Thiên học tôn giáo ứng dụng	3	39	6		
67	REL3011	Đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay	3	39	6		

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
68	REL3012	Văn hoá tôn giáo và du lịch tâm linh cộng đồng	3	39	6		
69	REL3013	Tâm lý học tôn giáo và xã hội học tôn giáo	3	39	6		
70	REL3014	Nhân học và dân tộc học tôn giáo	3	39	6		
71	REL3015	Tín ngưỡng vòng đời của người Việt	3	39	6		
72	REL3016	Thực hành và ứng dụng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
73	REL3017	Kiến trúc và điêu khắc trong tôn giáo	3	39	6		
74	REL3018	Tổ chức và quản lý thư viện trong các tôn giáo	3	39	6		
75	REL3019	Báo chí và truyền thông tôn giáo	3	39	6		
76	REL3020	Quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
77	REL3021	Quản lý di sản tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3	39	6		
78	REL3022	Luật tín ngưỡng, tôn giáo và nghiệp vụ công tác tôn giáo	3	39	6		
V.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	13				
79	REL4001	Thực tập	4	10	50		
80	REL4002	Thực tập tốt nghiệp	4	10	50		
81	REL4050	Khoá luận tốt nghiệp	5				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
82	REL4051	Tín ngưỡng, tôn giáo: những vấn đề lý luận và thực tiễn	3	39	6		
83	REL4052	Tín ngưỡng, tôn giáo: Lịch sử và hiện tại	2	26	4		
Tổng cộng			140				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

*Có thể lựa chọn một trong số các ngôn ngữ trong kinh điển tôn giáo sau:

- Ngôn ngữ Hán nôm, Ngôn ngữ Pali, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ Sanskrit , Ngôn ngữ Latin, Ngôn ngữ Ả Rập